

Số: 03/2025/QĐST-DS

Như Thanh, ngày 21 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào các Điều 357, 466; 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 28/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị N - Sinh năm 1948

Trú tại: Tổ Dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N: Chị Lê Thị T - Sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Số D, ngõ B đường X, TDP X, quận B, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Bùi Văn H - Sinh năm 1984

Trú tại: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị T - Sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi tạm trú: Số D, ngõ B đường X, TDP X, quận B, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về khoản nợ:** Bà Hà Thị N, chị Lê Thị T và anh Bùi Văn H thống nhất: Anh H và chị T có nợ bà N số tiền là 480.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm; vay để mua sắm máy móc cho anh H đi làm công trình. Đây là khoản nợ chung của anh H và chị T trong thời kỳ hôn nhân.

- **Về quá trình trả nợ:** Bà Hà Thị N, chị Lê Thị T và anh Bùi Văn H thống nhất: Sau khi ly hôn, anh H đã trả cho bà N được 120.000.000 đồng, chị T đã trả cho bà N được 160.000.000 đồng. Số tiền anh H, chị T còn nợ bà N là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ thời điểm chậm trả.

- **Về trách nhiệm trả nợ:** Bà Hà Thị N, chị Lê Thị T và anh Bùi Văn H thống nhất: Anh H có trách nhiệm trả cho bà N số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Bà N không yêu cầu anh H, chị T trả lãi chậm trả.

- **Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án:** Bà Hà Thị N, chị Lê Thị T và anh Bùi Văn thống nhất: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

- **Về án phí:** Bà Hà Thị N, chị Lê Thị T và anh Bùi Văn H thống nhất: Anh H phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- Chi cục THADS huyện Như Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Đình Huy